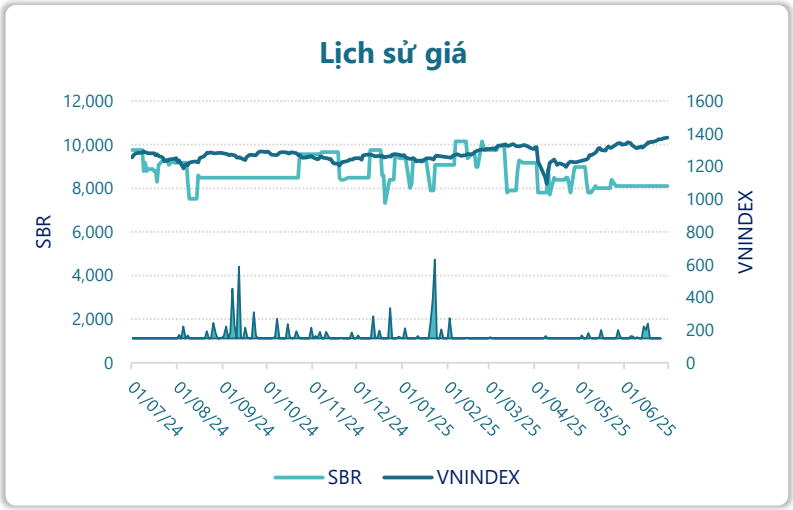
FireAnt

CTCP Cao su Sông Bé (UPCOM: SBR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,319
SL cổ phiếu LH	81,396,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	659
P/E	8.3
EPS	976

DT thuần

Q2/25

19.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼80.6| -80.6%

YoY: ▼42.8| -68.9%

LN sau thuế

Q2/25

4.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.2| -81.1%

YoY: ▲ 11.7| 157%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

20.4%

+/- YoY: ▲ 32.9%

DT thuần

6T 2025

120

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.6| 58.9%

LN sau thuế

6T 2025

26.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.6| 544%

ROE

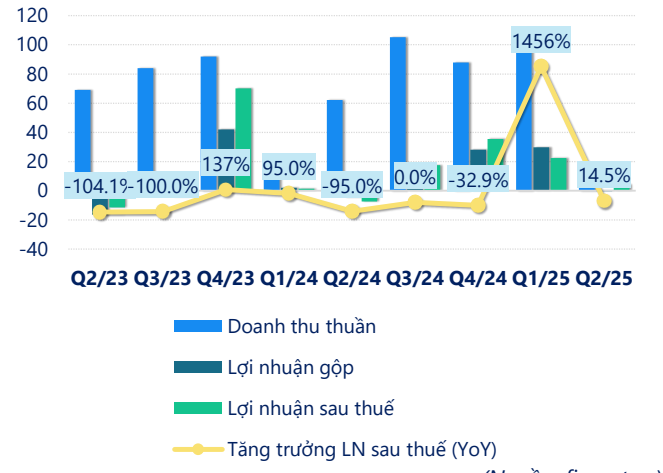
Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▲ 2.2%

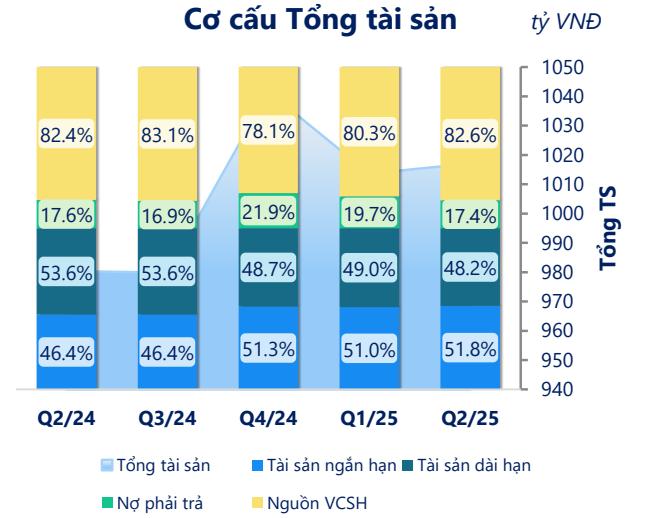
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



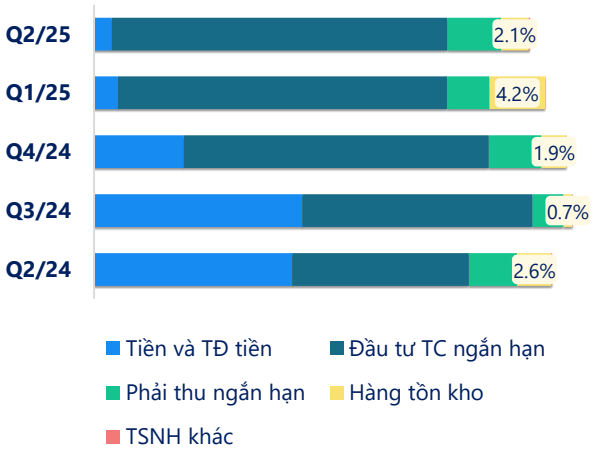
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



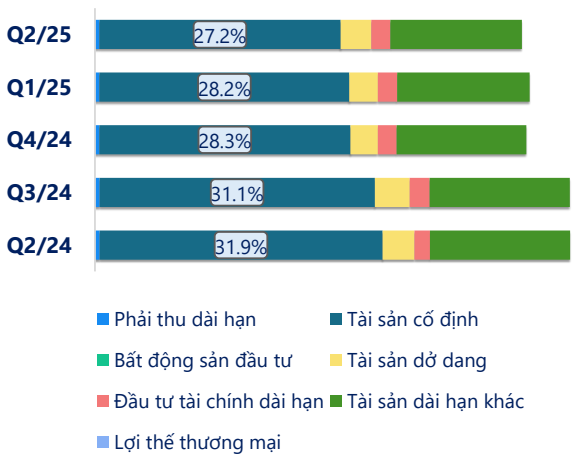
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



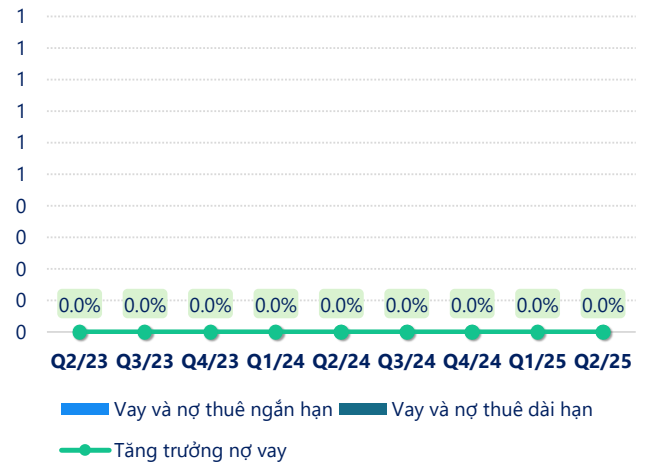
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



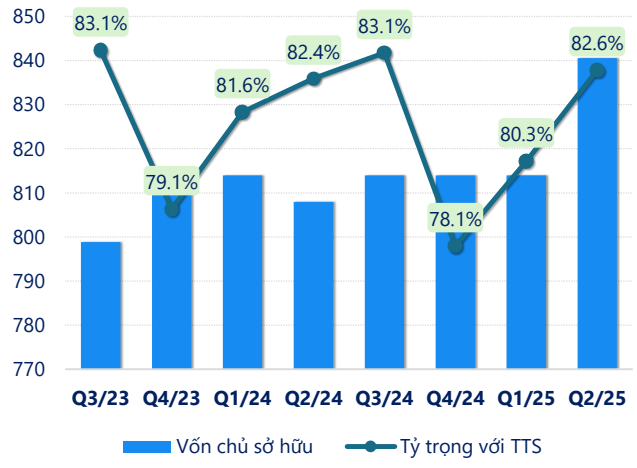
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



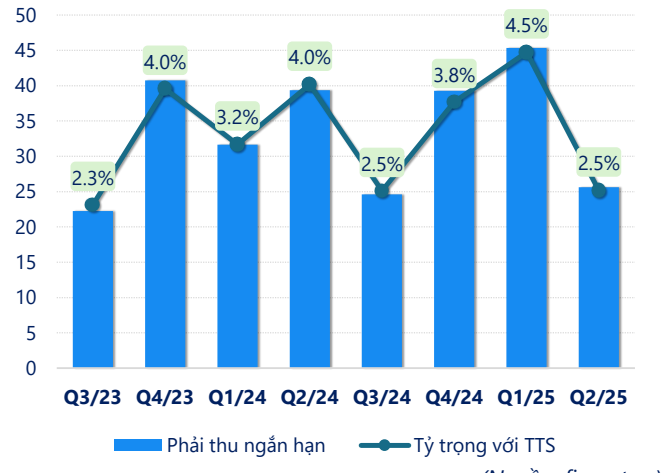
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



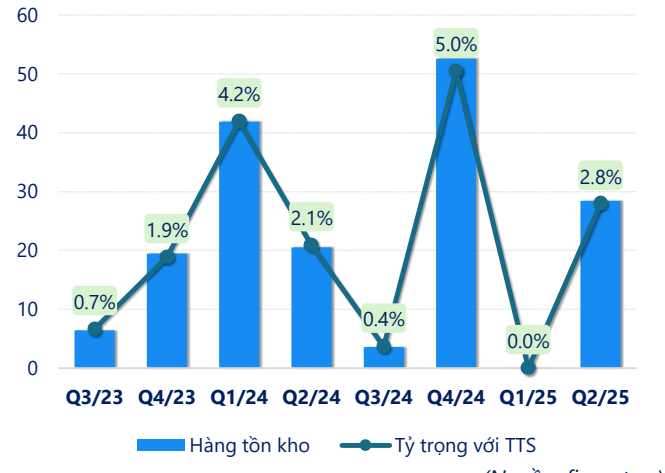
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



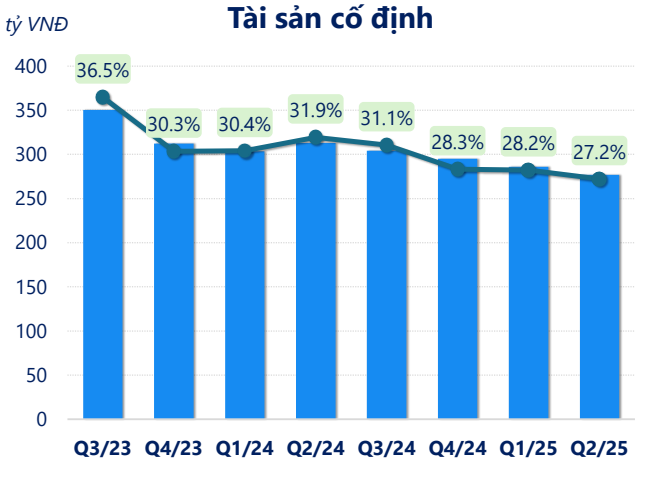
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



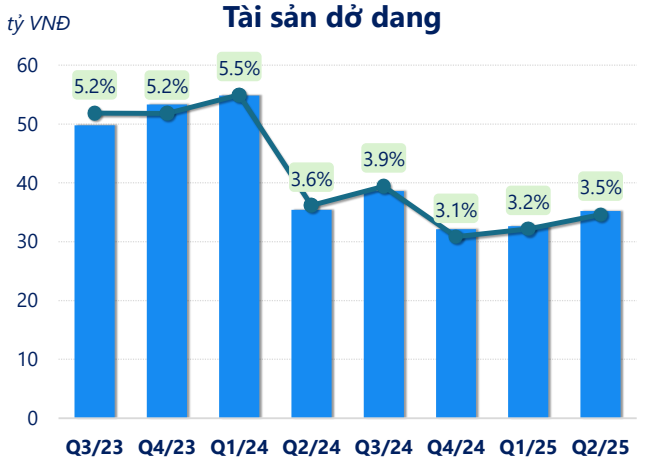
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



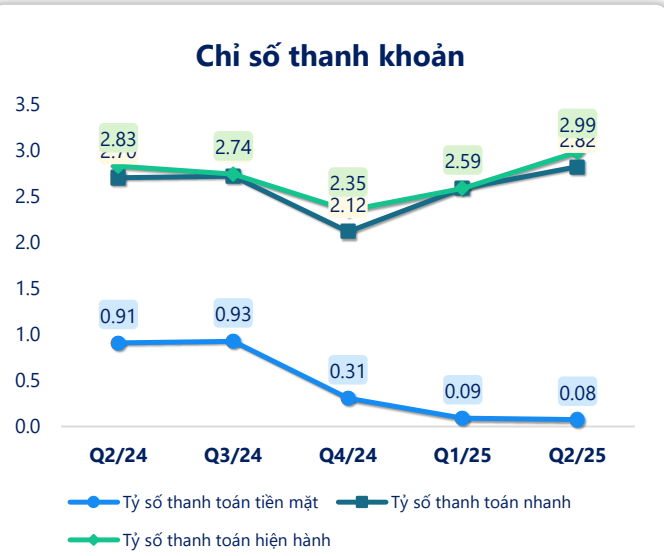
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



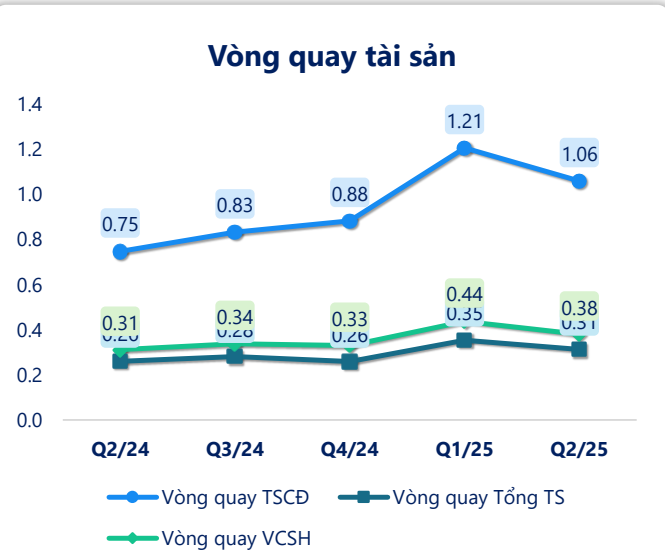
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**980**	**980**	**1,042**	**1,014**	**1,017**
Tài sản ngắn hạn	**455**	**455**	**535**	**517**	**527**
Tiền và tương đương tiền	146	154	70.0	18.1	13.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	248	273	373	453	460
Phải thu ngắn hạn	39.4	24.6	39.3	45.3	25.6
Hàng tồn kho	20.5	3.60	52.6	0.02	28.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.04	0.04	0.07	0.35	0.02
Tài sản dài hạn	**525**	**525**	**507**	**497**	**490**
Phải thu dài hạn	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
Tài sản cố định	313	304	295	286	277
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	35.4	38.6	32.1	32.6	35.2
Đầu tư tài chính dài hạn	17.0	22.0	22.0	22.0	22.0
Tài sản dài hạn khác	155	155	153	151	151
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**172**	**166**	**228**	**200**	**177**
Nợ ngắn hạn	**161**	**166**	**228**	**200**	**177**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	2.41	2.37	1.89	7.60
Nợ dài hạn	11.6	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**808**	**814**	**814**	**814**	**841**
Vốn chủ sở hữu	**808**	**814**	**814**	**814**	**841**
Vốn điều lệ	814	814	814	814	814
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)